

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 32/2019/TLST-KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty Tài chính cổ phần Đ (Công ty Đ);** Trụ sở: Tầng 14,15,16 Tháp B, Tòa nhà E, số 11 C, phường T, quận B, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng H – Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Tuấn H.

*** Bị đơn: Công ty Cổ phần S (Công ty S)** Trụ sở: Tầng 8, số 54 phố L, phường N, quận H, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông L - Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Văn C – Luật sư Công ty Luật TNHH T.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- **Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng T;** Trụ sở: Số 74 K, xã N, huyện Đ, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T - Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Hồng V.

- **Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận L**; Trụ sở: Số 12 Phố N, phường N, quận L, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huy V - Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thế N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty cổ phần S xác nhận có ký 05 Hợp đồng tín dụng với Công ty Tài chính cổ phần Đ gồm: Hợp đồng tín dụng số 08/2010/HĐTD-DH-DN/TCĐL ngày 04/03/2010; Hợp đồng tín dụng số 40/2010/HĐTD-HM-DN/TCĐL ngày 19/05/2010; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 42/2011/HĐTD-NH-DN/TCĐL ngày 22/06/2011; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 63/2011/HĐTD-NH-DN/TCĐL ngày 08/11/2011; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2013/HĐTD-NH-DN/TCĐL ngày 24/01/2013.

Công ty cổ phần S xác nhận số tiền nợ của 05 Hợp đồng tín dụng hiện còn chưa thanh toán cho Công ty Tài chính cổ phần Đ tính đến ngày **04/7/2022** tổng số tiền là: **111.244.047.495 đồng**. Trong đó nợ gốc là: **23.799.269.043 đồng** và nợ lãi là: **87.444.778.452 đồng**. (Lãi trong hạn: 49.783.152.896 đồng; Lãi quá hạn: 37.661.625.556 đồng)

Theo Hợp đồng tín dụng số 08/2010/HĐTD-DH-DN/TCĐL ngày 04/03/2010: Nợ gốc còn lại: 11.999.269.043 đồng; Lãi: 18.501.860.924 đồng (Trong đó lãi trong hạn là: 9.731.750.809 đồng Lãi quá hạn là: 8.770.110.115 đồng) ; Hợp đồng tín dụng số 40/2010/HĐTD-HM-DN/TCĐL ngày 19/05/2010: Nợ gốc đã thanh toán hết. Nợ lãi là: 6.594.939.712 đồng. (Trong đó lãi trong hạn là: 4.770.210.210 đồng; Lãi quá hạn là: 1.824.729.502 đồng); Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 42/2011/HĐTD-NH-DN/TCĐ ngày 22/06/2011: Nợ lãi là: 7.785.763.889 đồng. (Trong đó lãi trong hạn là: 5.565.138.889 đồng; Lãi quá hạn là: 2.220.625.000 đồng); Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 63/2011/HĐTD-NH-DN/TCĐL ngày 08/11/2011. Nợ gốc: 11.800.000.000 đồng . Nợ lãi: 51.098.819.444 đồng (Trong đó lãi trong hạn là: 26.647.194.444 đồng; Lãi quá hạn là: 24.451.625.000 đồng); Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2013/HĐTD-NH-DN/TCĐL ngày 24/01/2013. Nợ gốc đã thanh toán hết, Nợ lãi: 3.463.394.483 đồng (Trong đó lãi trong hạn là: 3.068.858.544 đồng; Lãi quá hạn là: 394.535.939 đồng)

Công ty Tài chính cổ phần Đ và Công ty cổ phần S thống nhất thỏa thuận phương án trả nợ như sau:

Ngày 31/7/2022 Công ty CP S trả nợ gốc: 7.000.000.000 đồng;

Ngày 31/8/2022 Công ty CP S trả nợ gốc: 6.800.000.000 đồng;

Ngày 31/12/2022 Công ty CP S trả nợ gốc: 9.999.269.043 đồng;

Kể từ ngày 05/7/2022 Công ty S còn phải tiếp tục chịu lãi đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Các đương sự xác nhận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết các Hợp đồng thế chấp đã ký kết vì các bên tự thỏa thuận.

Trong trường hợp Công ty cổ phần S thực hiện đúng cam kết thanh toán nợ gốc theo đúng lộ trình trên thì Công ty Tài chính cổ phần Đ sẽ xem xét về việc miễn giảm

lãi và thông báo bằng văn bản cho Công ty cổ phần S. Công ty cổ phần S có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ còn lại theo thông báo về việc miễn giảm lãi của Công ty Tài chính cổ phần Đ.

Trong trường hợp Công ty cổ phần S vi phạm bất kỳ 1 kỳ trả nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán thì Công ty Tài chính cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật buộc Công ty cổ phần S phải thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Tài chính cổ phần Đ.

Về án phí: Công ty cổ phần S tự nguyện chịu cả 109.622.024 đồng án phí hòa giải thành KDTM sơ thẩm.

Công ty Tài chính cổ phần Đ được trả lại số tiền 115.256.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005736 ngày 22/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đinh Ngọc Liên